BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CUBA ĐỒNG HỚI
Số: 3823/QĐ-BVCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán sửa chữa và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thay thế, lắp đặt và sửa chữa nhỏ lẻ cho các khoa phòng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CU BA ĐỒNG HỚI

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 134/2026/TT-BTC ngày 09/09/2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

Căn cứ Kế hoạch ngày 13/8/2026 của Phòng Hành chính quản trị về việc Thay thế, lắp đặt và sửa chữa nhỏ lẻ cho các khoa phòng;

Căn cứ Quyết định số 3443/QĐ-BVCB ngày 07/9/2026 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới về việc phê duyệt danh mục, nội dung Thay thế, lắp đặt và sửa chữa nhỏ lẻ cho các khoa phòng;

Căn cứ Tờ trình số 01/TTR-TXDKH ngày 21/9/2026 của Tổ xây dựng DTMS và KHLCNT gói thầu Thay thế, lắp đặt và sửa chữa nhỏ lẻ cho các khoa phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán sửa chữa và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu gói Thay thế, lắp đặt và sửa chữa nhỏ lẻ cho các khoa phòng với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao phòng Tài chính Kế toán làm đầu mối phối hợp với các phòng chức năng chịu trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tài chính Kế toán, phòng Tổ chức cán bộ, các khoa phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT./.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT NAM-CU BA ĐỒNG HỚI

Nguyễn Đức Cường

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số 3823 /QĐ-BVCB ngày 02 tháng 10 năm 2026)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới	Thay thế, lắp đặt và sửa chữa nhỏ lẻ cho các khoa phòng	Thay thế, lắp đặt và sửa chữa nhỏ lẻ cho các khoa phòng	987.660.000	Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn một (01) túi hồ sơ	30 ngày	Quý III-2026	Đơn giá cố định	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu				987.660.000									

Bằng chữ: Chín trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng./.

PHỤ LỤC II
DỰ TOÁN SỬA CHỮA VÀ KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU THAY THẾ, LẮP ĐẶT VÀ SỬA CHỮA NHỎ LẺ CHO CÁC KHOA PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 3823/QĐ-BVCB ngày 02 tháng 10 năm 2026)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả về dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế)	Thành tiền (đã bao gồm thuế)
1	Thay Khóa Đấm (bao gồm cả vật liệu và nhân công).	Bộ khóa tay tròn hãng Việt Tiệp; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	20	Bộ	570.000	11.400.000
2	Thay Khóa cửa nhôm Xingfa 1 cánh (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Bộ khóa hãng Kin Long; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	35	Bộ	590.000	20.650.000
3	Thay Khóa cửa nhôm Xingfa 2 cánh (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Bộ khóa hãng Kin Long; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	30	Bộ	650.000	19.500.000
4	Thay Lề cửa nhôm Xingfa (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Bộ lề hãng Kin Long; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	40	Bộ	200.000	8.000.000
5	Thay Khóa tay gạt cửa gỗ 01 cánh (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Bộ khóa hãng Huy Hoàng/Việt tiệp; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	10	Bộ	980.000	9.800.000
6	Thay Khóa tay gạt cửa gỗ 02 cánh (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Bộ khóa hãng Huy Hoàng/Việt tiệp; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	10	Bộ	1.020.000	10.200.000
7	Thay Khóa Clemon (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Hãng Kin Long; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	10	Bộ	250.000	2.500.000
8	Thay Tay co thủy lực (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Hãng Copis/Ezze; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	30	Bộ	660.000	19.800.000
9	Thay Lề cối cửa gỗ (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Hãng Kin Long; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	10	Bộ	100.000	1.000.000
10	Thay mới kính trắng 5 ly (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Kính xuất xứ nhà máy Đức Đạt; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	40	M2	490.000	19.600.000

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả về dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế)	Thành tiền (đã bao gồm thuế)
11	Thay mới kính an toàn 6.38mm (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Kính xuất xứ nhà máy Đức Đạt; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	40	M2	610.000	24.400.000
12	Thay mới kính an toàn 8.38mm (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Kính xuất xứ nhà máy Đức Đạt; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	20	M2	630.000	12.600.000
13	Thay mới kính cường lực 8.0 ly (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Kính xuất xứ nhà máy Đức Đạt; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	30	M2	610.000	18.300.000
14	Thay mới tay nắm cửa sổ Xing fa (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Hãng Kin Long; Áp dụng cho công việc đơn lẻ.	60	Bộ	220.000	13.200.000
15	Thay mới tay nắm cửa đi Xing fa (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Hãng Kin Long; Áp dụng cho côsng việc đơn lẻ.	50	Bộ	340.000	17.000.000
16	Đục khung ngoại tháo dở cửa gỗ tô trát, sơn hoàn thiện má cửa, cạnh cửa (bao gồm cả vật liệu và nhân công).	Bao gồm vận chuyển lưu kho; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20md	70	md	390.000	27.300.000
17	Tháo cửa nhôm, vách nhôm kính vận chuyển lưu kho (phần nhân công).	Bao gồm vận chuyển lưu kho ; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	40	M2	390.000	15.600.000
18	Làm mới cửa đi mở quay nhôm Xingfa (bao gồm cả vật liệu và nhân công).	Nhôm Xingfa kính an toàn 6.38 hoặc cl dày 8ly; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	20	M2	3.610.000	72.200.000
19	Làm mới cửa sổ nhôm Xingfa (bao gồm cả vật liệu và nhân công).	Nhôm Xingfa kính an toàn 6.38 hoặc cl dày 8ly; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	30	M2	3.240.000	97.200.000

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả về dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế)	Thành tiền (đã bao gồm thuế)
20	Làm mới vách kính Xingfa (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Nhôm Xingfa kính an toàn 6.38 hoặc cl dày 8ly; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	40	M2	2.100.000	84.000.000
21	Gia công lại vách nhôm Xingfa cũ tận dụng (bao gồm cả vật liệu phụ và nhân công)	Nhôm Xingfa kính an toàn 6.38 hoặc cl dày 8ly; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 10m2	20	M2	720.000	14.400.000
22	Sửa chữa tấm trần thạch cao thả khung xương nổi (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Hãng Vĩnh Tường; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	50	M2	220.000	11.000.000
23	Sửa chữa cửa sổ, cửa đi bằng gỗ (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Bao gồm dọn dẹp vệ sinh ; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	20	công	350.000	7.000.000
24	Làm mới tấm trần thạch cao thả khung xương nổi (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Hãng Vĩnh Tường; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	80	M2	294.000	23.520.000
25	Dán Decal cửa kính, vách kính (bao gồm cả vật liệu và nhân công).	Decal màu theo yêu cầu; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	80	M2	99.000	7.920.000
26	Xây tường thẳng bằng gạch tuynel rỗng 6 lỗ (10x15x22), chiều dày <= 10cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	Gạch 1/5 hoặc tương đương; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 2m3	2	M3	1.240.000	2.480.000
27	Xây gạch đặc chiều dày > 10cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	Gạch 1/5 hoặc tương đương; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 2m3	2	M3	1.480.000	2.960.000
28	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Bao gồm dọn dẹp vệ sinh ; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	50	M2	98.000	4.900.000

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả về dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế)	Thành tiền (đã bao gồm thuế)
29	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Bao gồm dọn dẹp vệ sinh ; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	50	M2	98.000	4.900.000
30	Trát má cửa, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Bao gồm dọn dẹp vệ sinh ; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20md	50	md	80.000	4.000.000
31	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch <= 0,36m2, vữa XM mác 75	Bao gồm dọn dẹp vệ sinh ; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	100	M2	401.000	40.100.000
32	Công tác lát gạch, tiết diện gạch <= 0.36m2, vữa XM mác 75	Bao gồm dọn dẹp vệ sinh ; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	100	M2	316.000	31.600.000
33	Công tác bê tông nền Mác 150 đá 1x2	Bê tông đổ bằng thủ công; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 2m3	10	M3	1.250.000	12.500.000
34	Công tác bê tông nền Mác 200 đá 1x2	Bê tông đổ bằng thủ công; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 2m3	10	M3	1.410.000	14.100.000
35	Công tác bê tông nền Mác 250 đá 1x2	Bê tông đổ bằng thủ công; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 2m3	10	M3	1.460.000	14.600.000
36	Công tác bê tông xà, dầm, giằng. Bê tông Mác 250 đá 1x2	Bê tông đổ bằng thủ công; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 5m3	10	M3	1.680.000	16.800.000
37	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 75	Bao gồm dọn dẹp vệ sinh ; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 30m2	100	M2	25.000	2.500.000
38	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ.	Hãng Jotun; Dulux / Hoặc tương đương; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 100m2	300	M2	59.000	17.700.000

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả về dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế)	Thành tiền (đã bao gồm thuế)
39	Bả tường trần bột trong và ngoài nhà	Hãng Jotun; Dulux / Hoặc tương đương; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 50m2	300	M2	45.000	13.500.000
40	Sửa chữa thay mái tôn sóng tôn 0.5 mm(bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Tôn Hoa Sen; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 50m2	100	M2	259.000	25.900.000
41	Gia công lắp dựng cửa ,khung sắt (khung sắt hộp 2x4, song sắt hộp vuông 2 dày 1.5mm, đan a 100 bao gồm vật liệu và nhân công)	Hòa Phát/ hoặc tương đương; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 10m2	20	M2	1.700.000	34.000.000
42	Gia công lắp dựng cửa , khung inox 304 (khung inox hộp 2x4 dày 1.1mm, song inox hộp vuông 2, đan a 100 bao gồm vật liệu và nhân công)	Inox 304; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 10m2	10	M2	2.000.000	20.000.000
43	Chống thấm sàn (bao gồm nhân công và vật liệu)	Sika 2 thành phần/ hoặc tương đương; Áp dụng cho công việc với khối lượng ≤ 20m2	120	M2	420.000	50.400.000
44	Thay khóa cửa nhựa (bao gồm cả vật liệu và nhân công)	Bộ khóa Hãng GQ; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	30	Bộ	630.000	18.900.000
45	Thay chốt cửa nhôm xingfa	Hãng Kin Long; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	100	Bộ	170.000	17.000.000
46	Bắt chắn cửa móng ngựa	Inox/ Mạ xi Đồng; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	40	Bộ	145.000	5.800.000
47	Chống thấm cổ ống nhà vệ sinh, vị trí nứt sàn vệ sinh(đục, hoàn thiện và hoàn trả mặt bằng ..)	Sika 2 thành phần; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	40	Vị trí	600.000	24.000.000
48	Cạo bỏ lớp sơn cũ tường cột	Bao gồm dọn dẹp vệ sinh ; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	150	M2	19.000	2.850.000

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả về dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (đã bao gồm thuế)	Thành tiền (đã bao gồm thuế)
49	Cạo bỏ lớp sơn cũ dầm trần	Bao gồm dọn dẹp vệ sinh ; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	100	M2	24.000	2.400.000
50	Tháo dở và đục lớp gạch men cũ, đá ốp tự nhiên(máy, nhân công vận chuyển tại vị trí tập kết trong bệnh viện)	Bao gồm Công tác vệ sinh môi trường; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	120	M2	79.000	9.480.000
51	Xúc và vận chuyển xà bần, bê tông gạch vỡ, rác xây dựng (đổ bải thải)	Gồm xe máy vận chuyển và nhân công; Áp dụng cho công việc đơn lẻ	10	M3	470.000	4.700.000
52	Nhân công sửa chữa nhỏ không áp dụng đơn giá Nhà nước	Bao gồm đồ nghề làm việc; Áp dụng công việc sửa chữa nhỏ lẽ	50	Công	430.000	21.500.000
TỔNG CỘNG						**987.660.000**

Bằng chữ: Chín trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng./.